

## MỤC LỤC

### KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

---

1. **Joonheon Song** - Comparative Analysis of Vietnams Bilateral Free Trade Agreements: Coverage and Depth of Integration. **Mã số: 118. 1IIE.M. 12** 2  
*Phân tích so sánh các hiệp định thương mại tự do song phương của Việt Nam: độ rộng và độ sâu của hội nhập*
2. **Nguyễn Thị Tú** - Giải pháp phát triển du lịch tâm linh Việt Nam. **Mã số: 118. 1TRMg. 12** 18  
*Solutions for Spiritual Tourism Development in Vietnam*

### QUẢN TRI KINH DOANH

---

3. **Nguyễn Viết Lâm và Nguyễn Thái Hà** - Phát huy vai trò của marketing nội bộ trong các ngân hàng thương mại Việt Nam. **Mã số: 118. 2BMkt. 22** 28  
*Promoting the Roles of Internal Marketing in Vietnam Commercial Banks*
4. **Đàm Bích Hà** - Mô hình tổ chức hệ thống thông tin kế toán cho các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn Hà Nội. **Mã số: 118. 2BAcc. 21** 40  
*Organizational Model of Accounting Information System for Commercial Enterprises in Hanoi*
5. **Đinh Thị Hương và Nguyễn Thị Minh Nhân** - Nghiên cứu yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện trách nhiệm xã hội đối với người lao động của các doanh nghiệp May Việt Nam. **Mã số: 118. 2BAadm. 21** 53  
*A Study on Factors Affecting the Implementation of Social Responsibilities to Laborers by Vietnam Garment Enterprises*

### Ý KIẾN TRAO ĐỔI

---

6. **Nguyễn Thị Thu Thủy** - Dự báo xu hướng tỷ giá USD/VND trong giao dịch ngoại hối. **Mã số: 118. 3OMIs. 32** 64  
*The Forecast of USD / VND Exchange Rate in Foreign Exchange Trading*

# **MÔ HÌNH TỔ CHỨC HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN CHO CÁC DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI**

**Đàm Bích Hà**

Trường Đại học Thương mại

Email: dambichha@gmail.com

**Ngày nhận:** 16/04/2018

**Ngày nhận lại:** 11/05/2018

**Ngày duyệt đăng:** 21/05/2018

**T**ên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu về tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong một số doanh nghiệp, những vấn đề cơ bản về tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp thương mại, những nhận định khái quát về tổ chức hệ thống hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn Hà Nội (gọi tắt là các doanh nghiệp thương mại Hà Nội, viết tắt là DNTM Hà Nội), bài báo chọn lọc, xác lập những nội dung cơ bản trong tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp thương mại Hà Nội, tiến hành phân tích đánh giá thực trạng từ các doanh nghiệp thương mại Hà Nội thời gian qua, từ đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện tổ chức hệ thống thông tin kế toán cho các doanh nghiệp thương mại Hà Nội, giúp các doanh nghiệp thương mại Hà Nội có căn cứ để tổ chức, xây dựng hệ thống thông tin kế toán nói riêng, hệ thống thông tin nói chung, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế mới.

**Từ khóa:** doanh nghiệp thương mại, hệ thống thông tin kế toán, mô hình, tổ chức.

## **1. Mở đầu**

Hệ thống thông tin kế toán (HTTTKT) trong doanh nghiệp (DN) có chức năng thu thập, xử lý các thông tin kế toán trên cơ sở các hoạt động nghiệp vụ kế toán để lập các báo cáo, cung cấp thông tin cho nhà quản trị các cấp trong DN giúp họ thực hiện tốt hơn các chức năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá và ra quyết định sản xuất kinh doanh của DN, cũng như cung cấp thông tin cho các đối tượng khác bên ngoài DN theo yêu cầu. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, hoạt động sản xuất kinh doanh của các DN ngày càng được mở rộng, ngày càng phức tạp và đa dạng hơn, dẫn đến khối lượng công việc của kế toán không ngừng tăng lên và nhu cầu

về thông tin phục vụ cho việc quản lý, điều hành hoạt động của DN cũng tăng theo cả về khối lượng, tầm quan trọng và sự cần thiết. Trong bối cảnh đó, cùng với sự bùng nổ thông tin và công nghệ thông tin (CNTT) hiện nay, tổ chức HTTTKT khoa học, hợp lý, hiệu quả sẽ cung cấp được những thông tin tốt nhất cho các nhà quản trị DN, giúp cho các DN nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đã và đang trở thành một xu thế ngày càng được quan tâm của tất cả các DN trên thế giới và có tầm quan trọng chiến lược trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia.

Tổ chức HTTTKT trong DN bao gồm nhiều nội dung, chịu ảnh hưởng của rất nhiều yếu tố từ chính nội bộ DN và từ môi trường xung quanh. Bài

viết này chọn lọc, xác lập những nội dung cơ bản trong tổ chức HTTTKT trong các DNTM Hà Nội, tiến hành phân tích đánh giá thực trạng từ các DNTM Hà Nội thời gian qua, từ đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện tổ chức HTTTKT cho các DNTM Hà Nội trong thời gian tới.

## **2. Tổng quan nghiên cứu về tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp**

Có nhiều quan niệm về tổ chức HTTTKT trong DN phụ thuộc vào cách tiếp cận nghiên cứu về HTTTKT.

Tiếp cận nghiên cứu theo thành phần, cấu trúc của hệ thống thông tin kế toán:

Hall (2010)<sup>1</sup> quan niệm HTTTKT gồm 3 hệ thống con là hệ thống xử lý giao dịch, hệ thống báo cáo kế toán tài chính và hệ thống báo cáo quản trị. Như vậy, HTTTKT được cấu thành bởi các bộ phận là các dữ liệu, xử lý các dữ liệu và hệ thống các báo cáo cung cấp thông tin kế toán bao gồm thông tin kế toán tài chính và thông tin kế toán quản trị phục vụ cho đối tượng bên trong và bên ngoài DN. Quan niệm này về tổ chức HTTTKT được tiếp cận nghiên cứu theo cấu trúc của HTTTKT và nghiên cứu về hiện thực hóa hoạt động kế toán của DN. Nghiên cứu của Gelinas, U., Dull, R., & Wheeler, P. (2011)<sup>2</sup> chỉ ra HTTTKT trong DN bao gồm 11 yếu tố cơ bản là: cơ sở dữ liệu, báo cáo, kiểm soát thông tin, hoạt động kinh doanh, xử lý nghiệp vụ, ra quyết định quản trị, hệ thống phát triển các hoạt động, truyền tải thông tin, các thủ tục và phương pháp kế toán. Với quan niệm này thành phần của HTTTKT có nhiều yếu tố thuộc về chức năng của nhà quản trị hơn là của HTTTKT, thiên về dòng chu chuyển dữ liệu trong DN hơn là

các bộ phận cấu thành của HTTTKT. Romney và Steinbart (2014)<sup>3</sup> đề cập đến các nội dung cơ bản và phương thức tổ chức HTTTKT với các yếu tố: (1) phần cứng, (2) phần mềm và cơ sở dữ liệu, (3) con người, (4) các thủ tục và quy trình xử lý thông tin, (5) kiểm soát nội bộ và đảm bảo an toàn cho hệ thống thông tin (HTTT). Với cấu trúc này, HTTTKT có thể đảm nhận tốt chức năng của nó là thu thập, xử lý các thông tin kế toán để tạo lập các báo cáo kế toán cũng như báo cáo quản trị phục vụ cho các nhà quản trị trong và ngoài DN.

Ở Việt Nam, cũng đã có khá nhiều nghiên cứu, đặc biệt là các luận án tiến sĩ về tổ chức HTTTKT với các phạm vi khác nhau.

Hoàng Văn Ninh (2010)<sup>4</sup> đã tiếp cận nghiên cứu về nội dung tổ chức HTTTKT tại các tập đoàn kinh tế dưới góc độ bản chất của HTTT, gồm 3 nội dung: tổ chức thu thập thông tin, tổ chức xử lý và sử dụng thông tin, tổ chức phân tích và cung cấp thông tin phục vụ cho công tác quản lý dưới góc độ kế toán tài chính. Nguyễn Hữu Đông (2012)<sup>5</sup> đã quan niệm cấu trúc HTTTKT ở các đơn vị sự nghiệp có thu bao gồm: bộ máy kế toán, phương tiện kỹ thuật (bao gồm phần cứng, phần mềm), hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán, hệ thống các báo cáo kế toán.

Vũ Bá Anh (2015)<sup>6</sup> đã tiến hành thống kê các quan điểm về tổ chức HTTTKT trong và ngoài nước, trên cơ sở đó đề xuất nội dung tổ chức HTTTKT quản trị trong các DN sản xuất kinh doanh ở Việt Nam theo 5 nội dung: tổ chức con người, tổ chức dữ liệu kế toán, tổ chức thủ tục kế toán, tổ chức hệ thống phần cứng, tổ chức phần mềm kế toán.

1. Hall J. A. (2011), *Accounting Information Systems, 7th Edition, South-Western Cengage Learning*
2. Gelinas, U., Dull, R., & Wheeler, P. (2011). *Accounting information systems. Cengage Learning*
3. Romney M. B., Steinbart P. J. (2014), *Accounting Information Systems, Place: Publisher Pearson Hall, 13<sup>th</sup> Edition*
4. Hoàng Văn Ninh (2010), *Tổ chức hệ thống thông tin kế toán phục vụ công tác quản lý trong các tập đoàn kinh tế Việt Nam, Luận án tiến sĩ.*
5. Nguyễn Hữu Đông (2012), *Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán trong các trường đại học công lập Việt Nam, Luận án tiến sĩ.*
6. Vũ Bá Anh (2015), *Tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, Luận án tiến sĩ.*

Lê Thị Hồng (2016)<sup>7</sup> đã trình bày quan điểm và yêu cầu hoàn thiện cũng như hệ thống các giải pháp để hoàn thiện HTTKT quản trị chi phí tại các DN khai thác chế biến đá ốp lát ở Việt Nam. Trên cơ sở đánh giá các hạn chế, bất cập tác giả dựa trên cơ sở khung lý thuyết về HTTKT quản trị chi phí tại các DN để đề xuất các giải pháp hoàn thiện HTTKT quản trị chi phí tại các DN khai thác chế biến đá ốp lát ở Việt Nam, tuy nhiên chưa đưa ra những luận điểm cá nhân về quan điểm xử lý HTTKT trong DN.

Các nghiên cứu trong và ngoài nước về thành phần, cấu trúc của HTTKT kể trên cho thấy có 2 tiếp cận nghiên cứu chủ yếu là: tiếp cận nghiên cứu HTTKT theo các chu trình, các loại nghiệp vụ kế toán và tiếp cận nghiên cứu HTTKT theo bộ phận cấu thành hệ thống. Trong đó, các nghiên cứu theo chu trình nghiệp vụ thích hợp và có tính ứng dụng cho từng loại hình DN cụ thể, còn tiếp cận theo hướng thành phần cấu thành có tính ứng dụng rộng hơn do thích ứng và phù hợp với nhiều các loại hình DN.

Từ góc độ quy trình xử lý thông tin của hệ thống thông tin kế toán:

Theo Nguyễn Thế Hưng (2006)<sup>8</sup> thì trong tất cả các hệ thống nói chung và HTTKT nói riêng đều có quy trình xử lý chung là nhận các dữ liệu đầu vào, xử lý theo các phương thức đã được xác định và cho các thông tin đầu ra.

Nhóm tác giả Marija Tokic, Mateo Spanja, Iva Tokic, Ivana Blazevic (2011)<sup>9</sup> chỉ ra rằng quy trình hoạt động chung của HTTKT bắt đầu từ quá trình thu thập các dữ liệu bên trong, bên ngoài đơn vị, kết hợp với cơ sở dữ liệu sẵn có trong hệ thống để

đưa vào phân tích, xử lý theo các quy định của chuẩn mực kế toán, chính sách kế toán, các phương pháp kế toán, các bộ công cụ ghi chép để có được các thông tin kế toán cung cấp đến đối tượng sử dụng thông tin. Đồng tình với các quan điểm này Senin (2011)<sup>10</sup> cho rằng quy trình xử lý trong HTTKT trong đơn vị bao gồm quá trình thu thập, tính toán, lưu trữ, phân tích, báo cáo và quản lý thông tin và HTTKT của DN bao gồm hai hệ thống con là HTTKT tài chính và HTTKT quản trị, trong đó HTTKT quản trị cung cấp thông tin cho người sử dụng nội bộ còn HTTKT tài chính cung cấp thông tin cho người bên ngoài đơn vị. Hall, J. A., & Bennett, P. E. (2011)<sup>11</sup> cũng cho rằng quy trình hoạt động của HTTKT được bắt đầu từ các nghiệp vụ tài chính và phi tài chính được xử lý, chuyển thành các thông tin cho người sử dụng để đưa ra các quyết định.

Như vậy, về quy trình xử lý của HTTKT, các tác giả trong và ngoài nước đều đồng thuận quan điểm cho rằng HTTKT có quy trình xử lý chung bắt đầu từ thu thập thông tin, xử lý và phân tích thông tin theo phương pháp, các thủ tục đã được xác định từ đó cung cấp các thông tin đến các đối tượng sử dụng thông tin.

Nghiên cứu về áp dụng phương tiện kỹ thuật trong hệ thống thông tin kế toán:

Các nghiên cứu về phương tiện kỹ thuật hỗ trợ HTTKT đều đi đến thống nhất là HTTKT không thể phát triển hiệu quả nếu không có phần mềm, các phương tiện kỹ thuật hỗ trợ, trong đó các nghiên cứu đều đề cập đến phần mềm sử dụng tốt cho HTTKT hiện nay là phần mềm hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP). Đó là nghiên cứu của

7. Lê Thị Hồng (2016), Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp khai thác, chế biến đá ốp lát tại Việt Nam, Luận án tiến sĩ.

8. Nguyễn Thế Hưng (2006), Hệ thống thông tin kế toán, Nhà xuất bản Thống kê.

9. Marija Tokic, Mateo, Iva Tokic, Ivona Blazevic (2011), Functional Structure of Entrepreneurial Accounting Information Systems, Annals of faculty Engineering Hunedoara, International Journal of Engineering, Tome IX.

10. Senin (2011), The Purpose of Management Accounting Information and The Process of Management Accounting.

11. Hall J. A., & Bennett P. E. (2011), Introduction to Accounting Information Systems, South-Western Cengage Learning.

Nguyễn Bích Liên (2012)<sup>12</sup> đã xác định ảnh hưởng của áp dụng CNTT đến chất lượng thông tin kế toán là: các thông tin cung cấp đa dạng hơn, tốc độ xử lý và cung cấp nhanh hơn, kịp thời hơn, đảm bảo tính chính xác của thông tin được cung cấp. Lili Zhao (2015)<sup>13</sup> tiến hành nghiên cứu HTTTKT trong điều kiện ứng dụng CNTT (máy tính và mạng) và đã chỉ ra rằng ứng dụng máy vi tính đã làm thay đổi toàn bộ cách thức xử lý dữ liệu, các quy trình, các phương pháp kế toán cũng như lưu trữ dữ liệu. Nghiên cứu đã khẳng định: tin học hóa công tác kế toán là điều kiện tất yếu, sử dụng CNTT trong xử lý thông tin kế toán đã làm nâng cao đáng kể chất lượng thông tin kế toán, áp dụng CNTT (bao gồm cả phần cứng, phần mềm và mạng nội bộ) là điều kiện cần thiết của các HTTTKT ngày nay.

Như vậy, có thể thấy tổ chức HTTTKT trong DN bị chi phối bởi rất nhiều yếu tố quan trọng, liên quan đến cấu thành của HTTT, tổ chức công tác kế toán, môi trường xã hội và đặc điểm từng DN.

Tuy nhiên, xét về bản chất: thứ nhất, HTTTKT là một HTTT vì vậy nó có 5 nguồn lực của một HTTT là: nguồn lực phần cứng, nguồn lực phần mềm, nguồn lực dữ liệu, nguồn lực mạng truyền thông và nguồn nhân lực; thứ hai, xét về chức năng, nhiệm vụ: HTTTKT có nhiệm vụ xây dựng các báo cáo tài chính, các bảng biểu cân đối kế toán; cung cấp thông tin cho nhà quản trị các cấp trong DN để trợ giúp họ ra các quyết định hoạt động sản xuất kinh doanh của DN từ việc xây dựng mục tiêu, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch; cũng như cung cấp các thông tin cho các đối tượng khác theo yêu cầu. Những thông tin này có được phần lớn từ hoạt động kế toán, vì vậy trong hoạt động của HTTTKT thì hoạt động kế toán đóng vai trò

quyết định. Ngoài ra có thể coi tổ chức HTTTKT trong DNTM chính là việc ứng dụng CNTT để thực hiện một cách tự động các phần hành của kế toán trong DNTM, nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho quá trình ra quyết định theo yêu cầu của công tác kế toán - tài chính và của các nhà quản trị DN và các đối tượng khác theo yêu cầu.

Xuất phát từ tiếp cận này, có thể hình thành quá trình tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong các DNTM gồm những hoạt động chính như sau: (1) Tổ chức cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho HTTTKT; (2) Tổ chức nguồn nhân lực và bộ máy vận hành HTTTKT; (3) Tổ chức thực hiện các nghiệp vụ kế toán; (4) Tổ chức thực hiện quy trình xử lý thông tin trong HTTTKT.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu định tính được tiến hành qua nghiên cứu lý thuyết và các nghiên cứu trước có liên quan đến xây dựng, tổ chức HTTTKT, đồng thời kết hợp với khảo sát và tham khảo ý kiến của một số chuyên gia là các nhà quản lý tại các DNTM Hà Nội, các giảng viên giảng dạy về HTTT và kế toán tại Trường Đại học Thương mại nhằm nhận diện và xác định các nội dung tổ chức HTTTKT trong các DNTM.

Nghiên cứu định lượng được thực hiện thông qua phương pháp trực tiếp phát phiếu điều tra (bảng hỏi) kết hợp với gửi khảo sát online (qua google.docs).

Quá trình thu thập thông tin về thực trạng HTTTKT trong các DNTM Hà Nội được tiến hành như sau:

(1) Phỏng vấn một số chuyên gia kế toán tại một số DNTM để có những nhận định sơ bộ về các vấn đề: tổ chức bộ máy kế toán, quá trình thu thập, xử lý, tổng hợp, cung cấp thông tin kế toán cho các đối tượng quản lý.

12. Nguyễn Bích Liên (2012), *Xác định và kiểm soát các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin kế toán trong môi trường ứng dụng hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp tại các doanh nghiệp Việt Nam*, Luận án tiến sĩ.

13. Hertati L., & Zarkasyi H. W. (2015), *Effect of competence user information system, the quality of accounting systems management and implications insatisfaction user information system (State owner in Sumatera Selatan)*, *European Journal of Accounting, Auditing and Finance Research*, Vol.3, No.2, pp.35-60.

(2) Phỏng vấn thông qua phiếu điều tra tại các DNTM Hà Nội:

- Trên cơ sở kết quả phỏng vấn chuyên gia, tác giả xây dựng phiếu điều tra (qua 2 giai đoạn điều tra thử nghiệm; hiệu chỉnh, bổ sung phiếu điều tra). Căn cứ vào mục tiêu và nội dung nghiên cứu, phiếu điều tra được thiết kế gồm 4 phần với tổng số 54 câu hỏi để thu thập các thông tin chi tiết và đầy đủ hơn về hoạt động kế toán, về tổ chức HTTKT, về các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của HTTKT, cũng như quan điểm, các điều kiện hoàn thiện tổ chức HTTKT trong các DNTM Hà Nội.

- Về mẫu khảo sát: Theo công thức  $n = N/(1+N(e)^2)^{14}$ , trong đó n là kích thước mẫu, N là đám đông, e là sai số. Hiện tại, Hà Nội có khoảng 16.000 DNTM, để đạt độ chính xác 99,05 (sai số 0,05), cần có 390 DN tham gia khảo sát.

- Tiến hành điều tra chính thức trên diện rộng: Thông qua một diễn đàn trên Internet, trong thời gian 3 tháng (từ tháng 10 năm 2017 đến tháng 12 năm 2017), đã thu được 341 phiếu trả lời. Phương pháp lấy mẫu được sử dụng là lấy phi ngẫu nhiên - lấy mẫu thuận tiện đối với các DNTM trong phạm vi nghiên cứu. Qua sàng lọc và phân tích, tác giả sử dụng 328 kết quả thuộc các loại hình DN khác nhau (bảng 1) (Sai số mắc phải cỡ 0,054).

**Bảng 1:** Quy mô các doanh nghiệp khảo sát

Loại DN	Quy mô DN	Số lượng DN	Tỷ lệ (%)
DN siêu nhỏ	<10 lao động	15	4,6
DN nhỏ	Nguồn vốn dưới 10 tỷ đồng, lao động từ 10 -50 người	145	44,2
DN vừa	Nguồn vốn từ 10 -50 tỷ đồng, lao động từ 50 -100 người	134	40,9
DN lớn	Nguồn vốn trên 50 tỷ đồng, lao động trên 100 người	34	10,4

(Nguồn: Khảo sát của tác giả)

Các thành viên trả lời phiếu điều tra chủ yếu là thuộc bộ phận kế toán (73%), trong đó có 43 kế toán trưởng (13%), 48 kế toán tổng hợp (14,6%) và 150 kế toán viên (45,7%).

Về mức độ hiểu biết của người trả lời phiếu điều tra: Có khoảng 93% số người trả lời phiếu điều tra cho biết am hiểu về HTTKT tại DN, trong đó số am hiểu rất rõ chiếm 16%. Có khoảng 7% số người trả lời phiếu điều tra am hiểu không nhiều về HTTKT tại DN, số này là những người không trực tiếp làm kế toán, cũng như không trực tiếp sử dụng thông tin từ HTTKT vì vậy điều này cũng là hợp lý.

Tất cả các trả lời thiếu dữ liệu đều bị loại bỏ khỏi kết quả phân tích.

Dữ liệu thu thập từ các phiếu điều tra được xử lý bởi phần mềm M. Excel.

#### 4. Thực trạng tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp thương mại Hà Nội

Từ các số liệu điều tra, ý kiến chuyên gia, có thể nhận định, đánh giá hiện trạng tổ chức HTTKT trong các DNTM Hà Nội theo những nội dung chủ yếu như sau:

##### 4.1. Về tổ chức cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho hệ thống thông tin kế toán

Đối với các HTTT ngày nay, cơ sở hạ tầng bao gồm hạ tầng công nghệ phần cứng và các phần mềm máy tính. Số liệu khảo sát đánh giá về tầm quan trọng của cơ sở hạ tầng CNTT cho HTTKT của các DNTM Hà Nội cho thấy đánh giá của các

DN theo các mức rất ảnh hưởng, ảnh hưởng nhiều, trung bình, ảnh hưởng ít, không ảnh hưởng tương ứng là: 52%, 30%, 9%, 7%, 2%.

14. Paguso, Cristobal, G. Garcia, and C.R. Guerrero De Leon. (1978), *Fundamental Statistics for College Students* Sinag-tala Publishers, Inc., Manila, Phils. Pelosi, Marilyn, T.M. Sandifer, and U. Sekara. (2001)

*Về trang bị phần cứng*

Hiện tại tất cả các DNTM Hà Nội đều sử dụng hệ thống máy vi tính, hầu hết được kết nối mạng và sử dụng trong các giao dịch thương mại với các hình thức khác nhau (biểu đồ 1). Biểu đồ 1 cho thấy mạng máy tính (một thành phần phần cứng của HTTTK) thực sự được tổ chức sử dụng thường xuyên trong giao dịch của các DNTM Hà Nội hiện nay.

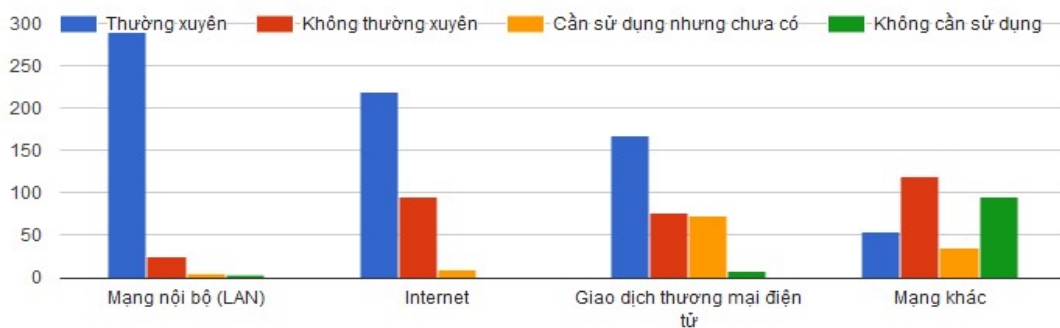
Về hình thức giao dịch: giao dịch với các đối tác của các DNTM Hà Nội rất đa dạng: 69% số DN sử dụng thư điện tử, 7,3% số DN sử dụng trao đổi dữ liệu điện tử (EDI), chỉ 28% số DN sử dụng giấy tờ, công văn thông thường. Điều này một lần nữa cho thấy máy tính và mạng máy tính đã và đang trở thành phương tiện chủ yếu trong giao dịch của các DNTM Hà Nội.

Đánh giá sự đáp ứng nhu cầu của nhân viên về số lượng máy tính được trang bị tại DN cho thấy: 72,9% số DN đánh giá là hoàn toàn đáp ứng, số đánh giá chưa đáp ứng là 12,2%. Tuy nhiên, về mức độ hài lòng đối với hệ thống máy tính (bao gồm cả phần cứng và phần mềm) được trang bị tại DN, có đến 60/328 (18%) DN chưa hài lòng thậm chí có 32 DN (10%) rất không hài lòng. Cùng với đó, 40/328 (12%) số DN cho biết số máy vi tính của DN chưa đáp ứng nhu cầu của nhân viên kế toán. Điều này cho thấy, trang bị phần cứng cho HTTTK của một số DNTM Hà Nội còn ở mức độ thấp, ảnh hưởng nhất định đến các hoạt động tác nghiệp kế toán cũng như của HTTTK.

*Về trang bị phần mềm*

67% DNTM Hà Nội đã trang bị phần mềm kế toán, trong số đó 97% cho biết phần mềm kế toán được trang bị là phù hợp với nhu cầu thu thập và xử lý thông tin kế toán. Đây là một kết quả đáng kể trong tổ chức cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho HTTTK của các DNTM Hà Nội. Các phần mềm kế toán mà các DNTM Hà Nội sử dụng chủ yếu là các phần mềm được sản xuất trong nước, có ưu điểm lớn là có thể nhanh chóng cập nhật những thay đổi thường xuyên của Bộ Tài chính về chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán so với các phần mềm nước ngoài và việc bảo trì, bảo hành cũng nhanh chóng kịp thời hơn.

Các phần mềm kế toán đều bao gồm khá nhiều phân hệ trợ giúp cho các phần hành kế toán của các DN như: tiền, hàng tồn kho, tài sản cố định, tiền lương, mua hàng, bán hàng, thuế, sổ cái. Hầu hết các tiêu chí đánh giá về các chức năng của các phần mềm kế toán hiện đang được sử dụng tại các DNTM Hà Nội đều được đánh giá tốt, nhiều tiêu chí đạt trên 90% như: phần mềm có phân quyền sử dụng cho từng nhân viên kế toán (94%), phần mềm đã thiết kế phù hợp với các quy định của pháp luật về kế toán (93%), phần mềm có độ tin cậy, chính xác 92%. Một số tiêu chí được đánh giá thấp là: tiêu chí bảo mật số liệu của từng bộ phận kế toán, tiêu chí về sự linh hoạt thay đổi, nâng cấp phần mềm theo yêu cầu sử dụng, quản lý của DN, tiêu chí lưu lại những dấu vết kiểm soát việc điều chỉnh các dữ liệu kế toán, tiêu chí kết



(Nguồn: Khảo sát của tác giả)

**Biểu đồ 1:** Mức độ sử dụng mạng trong giao dịch của các doanh nghiệp thương mại Hà Nội

nối, liên kết với các ứng dụng khác như nhập, xuất dữ liệu. Đây cũng là điều mà các nhà xây dựng HTTTKT đang rất quan tâm để từng bước khắc phục những yếu điểm này của các phần mềm kế toán.

Một kết quả cần được nhắc đến trong trang bị phần mềm cho các HTTTKT của các DNTM Hà Nội là phần mềm hoạch định nguồn lực DN (ERP) - phần mềm có thể hỗ trợ cho các DN quản lý tất cả các hoạt động chủ yếu, bước đầu đã được áp dụng tại một số DNTM Hà Nội và đã phát huy được hiệu quả cho hoạt động của DN. Mặc dù vậy, mới chỉ có 23,7% DN đã sử dụng phần mềm ERP, 10,8% DN có kế hoạch sử dụng. Việc hạn chế triển khai áp dụng phần mềm này ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả thu thập, xử lý và kiểm soát thông tin trong HTTTKT của các DNTM Hà Nội hiện nay.

#### 4.2. Về tổ chức nguồn nhân lực và bộ máy vận hành hệ thống thông tin

##### Tổ chức nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực trong HTTT bao gồm đội ngũ những người vận hành, bảo trì hệ thống và những người sử dụng hệ thống. Tổ chức nguồn nhân lực cho HTTTKT của các DNTM Hà Nội có những điểm mạnh:

Trước hết, về nhận thức: 244/328 (74%) DN khẳng định nhân tố con người có tầm ảnh hưởng lớn đến HTTTKT của DN. Cùng với đó 79,5% DN cho rằng để hoàn thiện HTTTKT của DN thì yếu tố con người là rất cần thiết.

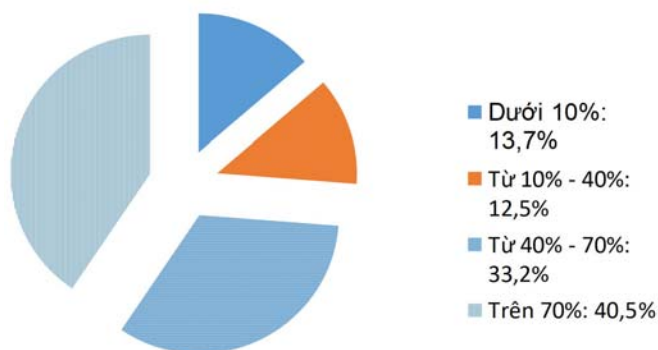
Về năng lực của đội ngũ sử dụng HTTT: Hiện tại, các DNTM Hà Nội có ưu thế là hầu hết nhân viên của các DN là những lao động trẻ, năng động, đều sử dụng thành thạo máy tính trong công việc, có

khả năng sử dụng mạng máy tính để trao đổi thông tin với khách hàng, sử dụng các phần mềm kế toán để cập nhật, lưu trữ các chứng từ, các thông tin về hàng hóa, phân tích và tổng hợp các số liệu để lập các báo cáo thống kê một cách kịp thời và đặc biệt cung cấp cho khách hàng những thông tin về tình trạng hàng hóa của DN ở mọi thời điểm. Số DN có tỷ lệ nhân viên thường xuyên sử dụng máy tính trong công việc trên 40% chiếm tới 73,7% (biểu đồ 2).

Theo kết quả khảo sát, nguồn nhân lực kế toán hiện nay của các DNTM Hà Nội đều có trình độ nghiệp vụ chuyên môn về lĩnh vực kế toán, trong đó trình độ đại học và sau đại học chiếm đến 89%, số còn lại đều có trình độ cao đẳng. Về kinh nghiệm làm việc, kết quả khảo sát cho thấy trên 70% đội ngũ có kinh nghiệm làm việc trên 3 năm. Về mức độ hiểu biết về HTTTKT: có đến 72% DN tham gia khảo sát đều am hiểu về HTTTKT tại DN. Trong đó, có 56,7% và 13% DN cho rằng am hiểu và am hiểu khá nhiều về HTTTKT. Thậm chí có tới 11,5% ý kiến cho rằng am hiểu rất rõ về HTTTKT.

Về tổ chức sử dụng nguồn nhân lực có đến 97,2% số DN được khảo sát cho biết chất lượng chuyên môn của nhân viên kế toán tại DN phù hợp với công việc được phân công đồng thời ban lãnh

Tỷ lệ nhân viên thường xuyên sử dụng máy tính trong công việc



(Nguồn: Khảo sát của tác giả)

Biểu đồ 2: Tỷ lệ nhân viên của doanh nghiệp thường xuyên sử dụng máy tính trong công việc



đạo các DN đã biết sử dụng, bố trí nhân sự tại DN phù hợp với công việc được phân công về trình độ đào tạo, thâm niên, giới tính và các tố chất khác. Đây là một thuận lợi và là thành công lớn trong bố trí nguồn nhân lực của các DNTM Hà Nội. Ngoài ra, đội ngũ tham gia trong hoạt động của HTTTKT của các DNTM Hà Nội thường xuyên được đào tạo dưới nhiều hình thức khác nhau như gửi nhân viên đi học (54% số DN), mở lớp đào tạo (16%), đào tạo tại chỗ tùy nhu cầu công việc (26%), số DN không tổ chức đào tạo chỉ chiếm 4%.

*Về tổ chức bộ máy vận hành hệ thống thông tin kế toán*

Các DNTM Hà Nội đã bước đầu quan tâm đến xây dựng dự án về HTTT: có 86/328 (chiếm tỷ lệ 36%) số DN được khảo sát cho biết DN hiện đã có dự án hoặc chiến lược về phát triển và ứng dụng CNTT và HTTT. Số các DNTM Hà Nội có bộ phận chuyên trách về tin học, CNTT lại khá nhiều (279/328, chiếm tỷ lệ 85%). Đây là một con số đáng mừng. Sự phối hợp công tác giữa bộ phận CNTT và bộ phận kế toán khá chặt chẽ, trên rất nhiều lĩnh vực: quản lý phần mềm, chạy lại phần mềm khi có lỗi, hỗ trợ sửa, cài đặt các chương trình phần mềm, khắc phục lỗi máy tính, bảo trì, khắc phục lỗi phần cứng, phần mềm, thậm chí một số DN cho biết tất cả các vấn đề liên quan đến máy tính đều được hỗ trợ từ bộ phận CNTT. Trong số 279 DN đã có bộ phận chuyên trách về CNTT, các DN có mối quan hệ công tác mật thiết, chặt chẽ giữa bộ phận CNTT và bộ phận kế toán chiếm đến 70,6%, số DN được coi là có sự phối hợp không chặt chẽ chỉ có 12%.

Tỷ lệ đầu tư cho CNTT và HTTT trên tổng chi phí hoạt động thường niên của các DNTM Hà Nội phổ biến là từ 5% đến 15% (44,4% số DN), số dưới 5% chiếm tỷ lệ 21% và có đến 35% có tỷ lệ đầu tư trên 15%.

Số DNTM Hà Nội không có dự án, chiến lược CNTT, HTTT còn khá nhiều (74%). Điều này cho thấy các DNTM Hà Nội (mặc dù ý thức được tầm quan trọng) nhưng còn ít quan tâm đến xây dựng phát triển HTTT. Đây là một yếu điểm lớn của các DNTM Hà Nội trong thời đại bùng nổ của CNTT

hiện nay, cùng với việc xây dựng chiến lược kinh doanh, các DN rất cần xây dựng chiến lược ứng dụng CNTT. Đòi hỏi các DNTM Hà Nội phải cố gắng nhiều trong việc đầu tư phát triển ứng dụng CNTT, HTTT trong hoạt động sản xuất kinh doanh mới có thể phát huy được năng lực cạnh tranh thị trường trong bối cảnh nền kinh tế mới, nhất là khi chúng ta đang bước vào cửa ngõ của cuộc cách mạng 4.0.

#### **4.3. Về tổ chức thực hiện quy trình xử lý thông tin**

*Thực trạng tổ chức thu thập thông tin*

Tổ chức thu thập thông tin đầu vào cho HTTTKT của DN bao gồm các công việc: xác định nhu cầu thông tin; tổ chức nguồn thu thập thông tin; xác định đối tượng thu thập thông tin; tổ chức thu thập thông tin. Những thông tin mà HTTTKT cần tổ chức thu thập bao gồm các thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh được thu thập thông qua hệ thống chứng từ kế toán, các sổ.

Thực tế tại các DNTM Hà Nội qua khảo sát cho thấy hầu hết các DN đều tiến hành thu thập cả 2 loại thông tin phục vụ cho nhà quản trị DN: 214/328 DN, chiếm tỷ lệ 65,2% đã thực hiện thu thập thông tin quá khứ, với thông tin dự báo tương lai số này là 186/328 chiếm tỷ lệ 56,7%. Những con số này cho thấy, việc thu thập thông tin của HTTTKT tại các DNTM Hà Nội còn rất khiêm tốn, cần có sự cải thiện tích cực hơn trong thời gian tới.

#### *Thực trạng lưu trữ thông tin*

Thông tin trong HTTTKT của các DNTM Hà Nội được lưu trữ, quản lý trong các cơ sở dữ liệu (CSDL). Bảng 2 cho biết thực trạng các CSDL đã được sử dụng trong HTTTKT của các DNTM Hà Nội: số các DN có CSDL khá thấp (đều dưới 50%) cho thấy các DNTM Hà Nội chưa thực sự quan tâm đến công tác này.

#### *Thực trạng xử lý và cung cấp thông tin*

Kết quả xử lý thông tin được tập hợp trong các báo cáo kế toán. Kết quả khảo sát về các báo cáo được các DNTM Hà Nội lập ra được trình bày trong bảng 3.

**Bảng 2:** Thực trạng sử dụng cơ sở dữ liệu để quản lý thông tin

Loại hình CSDL	Số lượng DN có	Tỷ lệ (%)
Nhân sự	143	44
Kế toán tài chính	161	49
Quản lý kho	109	33
Quản lý quan hệ khách hàng (CRM)	62	19
Quản lý hệ thống cung ứng (SCM)	23	7
Lập kế hoạch nguồn lực (ERP)	16	5
Không có	9	3

(Nguồn: Khảo sát của tác giả)

**Bảng 3:** Hệ thống báo cáo kế toán của các DNTM Hà Nội

Loại báo cáo	Số DN có	Số DN không có
Báo cáo doanh thu, chi phí và lợi nhuận của từng loại sản phẩm, hàng hóa dịch vụ	245	63
Báo cáo khối lượng hàng hóa mua vào và bán ra trong kỳ theo đối tượng khách hàng, giá bán, chiết khấu và các hình thức khuyến mại khác	211	90
Báo cáo chi tiết khối lượng sản phẩm (dịch vụ) tiêu thụ	208	94
Báo cáo chấp hành định mức hàng tồn kho	263	48
Báo cáo tình hình sử dụng lao động và năng suất lao động	227	71
Báo cáo chi tiết nợ phải thu theo thời hạn nợ, khách nợ và khả năng thu nợ	257	53
Báo cáo chi tiết các khoản nợ vay, nợ phải trả theo thời hạn nợ và chủ nợ	270	39
Báo cáo phân tích mối quan hệ giữa chi phí, khối lượng và lợi nhuận	233	66
Báo cáo phân tích tình hình tài chính của DN	264	45
Báo cáo phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất và kinh doanh	212	87

(Nguồn: Khảo sát của tác giả)

Về các báo cáo tài chính của DN được lập, trong số 328 DN trả lời khảo sát: 219 DN (66,88%) có bảng cân đối kế toán, 220 DN (67%) có báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, 142

DN (43,4%) có báo cáo lưu chuyển tiền tệ, 124 DN (38%) có bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **5. Giải pháp hoàn thiện tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn Hà Nội**

Trên cơ sở tiếp cận tổ chức HTTKT trong các DNTM như đã trình bày trong mục 2 và những kết luận về thực trạng tổ chức HTTKT trong các DNTM Hà Nội từ điều tra, khảo sát tại 328 DNTM Hà Nội, những tồn tại, hạn chế của HTTKT trong các DNTM Hà Nội có thể đề xuất một số giải pháp hoàn thiện tổ chức HTTKT trong các DNTM Hà Nội thời gian tới như sau:

#### **5.1. Về tổ chức cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho hệ thống thông tin kế toán**

Tăng cường trang bị phần cứng cho HTTKT nói chung, HTTKT nói riêng của một số DNTM Hà Nội cho tương xứng với quy mô và phạm vi hoạt động của DN, bao gồm trang bị máy vi tính đảm bảo đáp ứng nhu cầu của nhân viên kế toán. Tất cả các DNTM Hà Nội đều phải thiết lập mạng LAN để đảm bảo quản lý dữ liệu tập trung, thống nhất và kết xuất thông tin thuận lợi, an toàn trong toàn DN. Qua mạng LAN, việc kiểm soát mọi hoạt động hàng ngày cũng như sự tuân thủ quy chế, chính sách, nghiệp vụ do lãnh đạo đề ra cho mọi bộ phận, cán bộ được thực hiện dễ dàng, nhanh chóng thông qua hệ thống số liệu tập trung và được cập nhật tức thời tại trung tâm. Việc hỗ trợ kỹ thuật và xử lý sự cố cho người sử dụng làm việc ở các vị trí khác nhau đều được thực hiện một cách tiện lợi ngay tại trung tâm mà không tốn quá nhiều nhân lực và thời gian. Việc tổng hợp thông tin được thực hiện tức thời và dễ dàng không phải qua các thủ tục truyền nhận số liệu định kỳ phức tạp và chậm trễ.

Nhiều tiêu chí trong các phần mềm kế toán trang bị cho các DNTM Hà Nội hiện còn đạt hiệu quả thấp. Vì vậy, cần khẩn trương nâng cấp các phần mềm kế toán đang được sử dụng tại các DNTM Hà Nội để đảm bảo các phần mềm kế toán có thể hỗ trợ hết được các chức năng cần có của hoạt động kế toán, theo yêu cầu sử dụng, quản lý

của DN. Đặc biệt cần bổ sung chức năng hỗ trợ cho việc lập báo cáo kế toán quản trị cho phần mềm kế toán để có thể nhanh chóng đưa ra được các thông tin kế toán quản trị hỗ trợ cho việc ra những quyết định kịp thời, chính xác cho mọi chiến lược kinh doanh của DN.

Đây cũng là điều mà các nhà xây dựng phần mềm kế toán đang rất quan tâm để từng bước khắc phục những yếu điểm này của các phần mềm kế toán phục vụ DN.

Việc ứng dụng phần mềm ERP là một giải pháp hữu dụng cho HTTKT. Tuy nhiên, hiện nay việc áp dụng phần mềm này tại các DNTM Hà Nội còn ít đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả thu thập, xử lý và kiểm soát thông tin trong HTTKT của các DNTM Hà Nội hiện nay, đòi hỏi các DNTM Hà Nội cần phải tích cực chuẩn bị các điều kiện cả về công nghệ, nhân lực, nhận thức, ... để có thể sớm đưa việc sử dụng ERP vào hoạt động quản lý sản xuất, kinh doanh của các DN. Mỗi DN tùy thuộc vào nhu cầu, mục đích sử dụng có thể đặt mua các hệ thống ERP với các chức năng khác nhau từ các DN chuyên cung cấp phần mềm. Tất cả các DNTM Hà Nội cần phải tích cực chuẩn bị các điều kiện cả về công nghệ, nhân lực, nhận thức, ... để có thể sớm đưa việc sử dụng ERP vào hoạt động quản lý sản xuất, kinh doanh của DN.

#### **5.2. Về tổ chức nguồn nhân lực và bộ máy vận hành hệ thống thông tin kế toán**

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nói chung và nhân lực kế toán, nhân lực cho HTTKT nói riêng tại các DNTM Hà Nội được coi là quan trọng nhất, cụ thể chiếm 74,4% trong nhóm các giải pháp để hoàn thiện HTTKT mà các DNTM Hà Nội được khảo sát cho biết. Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho HTTKT trong thời gian tới, trước hết cần khắc phục ngay tình trạng thiếu am hiểu về HTTKT ở các DNTM Hà Nội (theo khảo sát, có đến 28% chuyên gia và cán bộ quản lý trả lời là không am hiểu hoặc am hiểu rất ít về HTTKT).

Cần sớm khắc phục tình trạng chênh lệch về trình độ nghiệp vụ chuyên môn của nhân viên kế toán giữa các DN đặc biệt là ở các DN quy mô nhỏ, số lượng nhân viên ít. Cần dứt điểm tình trạng kế toán chỉ mang tính hình thức với mục đích đối phó với cơ quan Thuế là chính.

Cùng với đó, cần đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực kế toán, HTTT trước mắt, cũng như lâu dài. Việc đào tạo cần được tiến hành ở cả ba cấp độ: cấp chiến lược (lãnh đạo DN), cấp chiến thuật (các phòng ban chức năng) và cấp tác nghiệp (nhân lực thực hiện các công việc cụ thể). Nội dung đào tạo bao gồm cả nội dung về kế toán DN và kiến thức về CNTT, HTTT trong đó chú ý việc sử dụng các phần mềm có sẵn để thực hiện quy trình xử lý thông tin. Về hình thức đào tạo có thể áp dụng nhiều hình thức như đào tạo tại chỗ tùy theo nhu cầu công việc, gửi đi học (kể cả gửi đi nước ngoài), mở lớp đào tạo, tổ chức, tham gia các hội thảo trao đổi kinh nghiệm, tập huấn chuyên môn do các tổ chức nghề nghiệp tổ chức. Việc tổ chức đào tạo cần được thực hiện thường xuyên và phải được coi là một phần việc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các DN. Ngoài ra, ở nhiều DN hiện nay, có thể do quy mô nên chưa có bộ phận kiểm toán nội bộ. Các DNTM Hà Nội cần phải cố gắng nhiều hơn mới có thể có được sự đảm bảo hoạt động kiểm toán nội bộ tiến kịp với sự phát triển.

Về tổ chức bộ máy vận hành HTTTKT: các DNTM Hà Nội cần có bộ phận chuyên trách về tin học, CNTT, để không những triển khai sử dụng máy tính phục vụ công tác kế toán, mà quan trọng hơn là để có thể xây dựng một hệ thống lưu trữ dữ liệu và xử lý tự động thông qua các phần mềm, nghĩa là triển khai hoạt động của HTTT.

Các DNTM Hà Nội cũng cần nhanh chóng cải thiện mối quan hệ công tác giữa bộ phận CNTT và bộ phận kế toán của DN, tạo mối liên kết mật thiết, phối hợp chặt chẽ giữa 2 bộ phận này, cũng như phân công công việc hợp lý cho tất cả các bộ

phận của DN tham gia vào HTTTKT. Có như thế DN mới có thể có được một HTTTKT hoạt động có hiệu quả.

### 5.3. Về tổ chức thực hiện các nghiệp vụ kế toán

Cùng với việc tổ chức, cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán sao cho gọn nhẹ và hoạt động có hiệu quả để có thể cung cấp thông tin kế toán một cách kịp thời, chính xác và đầy đủ, hữu ích cho các đối tượng sử dụng thông tin, đồng thời phát huy và nâng cao trình độ nghiệp vụ của các cán bộ kế toán, các DNTM Hà Nội cần khắc phục ngay tình trạng hiện nay là mới chỉ tập trung vào kế toán tài chính, chưa có sự quan tâm đúng mức đến thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán quản trị. Bộ máy kế toán của các DNTM Hà Nội cần tổ chức sao cho có sự giao thoa, kết hợp hài hòa giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị, nghĩa là tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình hỗn hợp. Tuy nhiên, trong sự kết hợp này cần có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng về nội dung và phạm vi cung cấp thông tin cũng như xác định rõ mối quan hệ giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị, giữa bộ phận kế toán tổng hợp và bộ phận kế toán chi tiết để tránh sự chồng chéo, chậm trễ trong việc xử lý, cung cấp thông tin.

*Về các chu trình kế toán:* Để hoàn thiện HTTTKT, các DNTM Hà Nội cần hoàn thiện quy trình luân chuyển chứng từ trong các chu trình kế toán một cách bài bản nhằm mục đích phục vụ kiểm soát các nghiệp vụ trong mỗi chu trình, tránh các rủi ro không đáng có xảy ra với DN bằng cách đưa ra các điều kiện, yêu cầu trong từng chu trình buộc các đối tượng có liên quan đến chu trình phải tuân thủ thực hiện. Phải coi các quy trình luân chuyển chứng từ là phần không thể thiếu được trong quy chế quản lý tài chính của đơn vị và được cấp có thẩm quyền xét duyệt, phê chuẩn.

*Đối với hệ thống chứng từ, tài khoản và sổ kế toán:* Cần có sự thống nhất về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ kế toán để cùng cung cấp các thông tin cho kế toán nhằm giảm các chi phí không đáng

có phát sinh và đảm bảo sự thuận lợi cho việc thu thập cũng như cung cấp thông tin kế toán cho các đối tượng sử dụng. Cần thống nhất tên gọi của các tài khoản kế toán nhằm đảm bảo tính thống nhất, tránh sự nhầm lẫn giữa tên gọi với nội dung kinh tế mà tài khoản phản ánh, tránh việc hiểu không rõ về nội dung, kết cấu của tài khoản dẫn đến việc sử dụng không đúng với quy định hoặc nhầm lẫn. Các DNTM Hà Nội cần chú ý hơn đến việc xây dựng hệ thống sổ và báo cáo kế toán đầy đủ, mang tính tổng hợp, có sự thống nhất và phân tích sâu sắc về tình hình kinh doanh của DN. Cùng với đó, các DNTM Hà Nội cần xây dựng và sử dụng hệ thống các chỉ tiêu đặc trưng riêng để đánh giá kết quả hoạt động của DN mình và đánh giá trách nhiệm của từng bộ phận theo nhiệm vụ được phân công, chứ không phải chỉ sử dụng kết quả các chỉ tiêu phản ánh trên các báo cáo tài chính hoặc các chỉ tiêu trên các báo cáo chi tiết để đánh giá kết quả hoạt động của toàn bộ DN, các bộ phận, phòng ban chức năng.

#### **5.4. Về tổ chức thực hiện quy trình xử lý thông tin trong hệ thống thông tin kế toán**

*Thứ nhất*, về thu thập dữ liệu: Quá trình thu thập dữ liệu đầu vào cho HTTKT được thực hiện thông qua công cụ chứng từ kế toán. Tại các DNTM Hà Nội, hệ thống chứng từ được thiết lập theo đúng quy định của Nhà nước và chế độ kế toán hiện hành, quy trình luân chuyển, lưu trữ chứng từ hợp lý. Trong điều kiện ứng dụng CNTT hiện nay, DN có thể yêu cầu đơn vị cung cấp phần mềm kế toán, xây dựng phần mềm phù hợp với yêu cầu quản lý của mình, nhằm giảm bớt khối lượng cho kế toán viên, đặc biệt với các chứng từ có liên quan cả kế toán tài chính và kế toán quản trị, DN có thể đặt hàng đơn vị cung cấp phần mềm kế toán, khi kế toán nhập dữ liệu vào phần hành kế toán nào, phần mềm tự động lên kết sang phần hành kế toán có liên quan. Trong xu thế phát triển của cách mạng 4.0, các giao dịch thương mại điện tử ngày càng nhiều, với điều kiện ứng dụng CNTT

vào công tác kế toán tại các DN Việt Nam hiện nay, đặc biệt là các DNTM Hà Nội, sự đòi hỏi về tính nhanh nhạy, chính xác về thông tin càng cao. Các DN nên thay thế chứng từ được lập thủ công bằng việc lập hệ thống chứng từ trên máy tính sẽ tiết kiệm được các chi phí về hóa đơn, chi phí bảo quản, lưu trữ chứng từ; tạo điều kiện thuận lợi cho việc hạch toán, đối chiếu số liệu do được liên kết trực tiếp với hệ thống kế toán. Một số các giao dịch liên quan đến nhiều đơn vị nội bộ trong DN, giữa các phòng ban với nhau hay giữa các đơn vị cấp trên với cấp dưới có thể được thực hiện qua mạng nội bộ và kiểm tra chéo với nhau. Để luân chuyển chứng từ hợp lý tránh trùng lặp nghiệp vụ do phản ánh nhiều lần một nghiệp vụ trong quá trình nhập liệu, các DNTM Hà Nội cần căn cứ vào tình hình thực tế của DN mình, tùy thuộc vào kinh phí cho phép để nâng cấp dần hệ thống phần mềm, tích hợp phần mềm kế toán với phần mềm quản lý và phần mềm của các phòng ban có liên quan.

*Thứ hai*, về xử lý thông tin: Việc xử lý các thông tin kế toán được dựa trên hệ thống tài khoản kế toán. Theo khảo sát, các DNTM Hà Nội hiện chỉ mới chú trọng theo dõi dữ liệu kế toán trên hệ thống chủ yếu bằng các tài khoản tổng hợp, tài khoản chi tiết chủ yếu liên quan tài khoản chi phí, doanh thu, công nợ, tài sản, vật tư, ... trong đó, các tài khoản chi phí theo dõi chi tiết theo khoản mục, công nợ theo đối tượng, doanh thu theo dõi theo mặt hàng là chủ yếu. Vì vậy, theo tác giả các DNTM Hà Nội nên xây dựng hệ thống tài khoản kế toán chi tiết trên các đối tượng quản lý một cách đa dạng, hoàn chỉnh, đảm bảo phù hợp với những quy định thống nhất của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện của cơ quan quản lý cấp trên; phản ánh đầy đủ mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của DN; đáp ứng được yêu cầu sử dụng thông tin phục vụ quản trị nội bộ của doanh nghiệp trên cơ sở hệ thống tài khoản kế toán của DN bao gồm cả tài khoản kế toán tài chính và tài khoản kế toán quản trị.

Thứ ba, về cung cấp thông tin: Hiện nay, tại các DNTM Hà Nội, chưa thực sự quan tâm nhiều đến hệ thống báo cáo phục vụ quản trị DN, trong khi nhu cầu này lại rất lớn. Việc xây dựng hệ thống báo cáo phải dựa trên nguyên tắc đảm bảo phù hợp với yêu cầu cung cấp thông tin quản lý nội bộ DN, nội dung của báo cáo phải phản ánh đầy đủ các thông tin phục vụ yêu cầu quản lý, điều hành và ra quyết định kinh tế của DN cũng như đảm bảo so sánh số liệu kế hoạch với số liệu thực tế của từng thời kỳ.

### 6. Kết luận

Tổ chức HTTTKT là việc xác lập các yếu tố, điều kiện cũng như các mối liên hệ qua lại, các tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kế toán tài chính trên nền tảng hạ tầng kỹ thuật CNTT, bảo đảm cho hoạt động kế toán tài chính phát huy được tối đa các chức năng, vai trò vốn có của mình. Trong bối cảnh nền kinh tế mới, cùng với sự phát triển như vũ bão của CNTT, tổ chức HTTTKT ngoài việc tuân thủ các nguyên tắc chung của khoa học tổ chức còn phải gắn với đặc thù của hạch toán kế toán (vừa là khoa học, vừa mang tính nghệ thuật ứng dụng thành quả của các lĩnh vực khoa học, công nghệ liên quan).

Trên cơ sở tiếp thu các nghiên cứu về tổ chức HTTTKT của các tác giả trong nước và nước ngoài, với tiếp cận tổ chức HTTTKT trong các DNTM như đã trình bày trong mục 2 và những đánh giá về thực trạng tổ chức HTTTKT trong các DNTM Hà Nội từ điều tra, khảo sát tại 328 DNTM Hà Nội, phân tích những tồn tại, hạn chế của tổ chức HTTTKT trong các DNTM Hà Nội, bài viết đề xuất một số giải pháp hoàn thiện tổ chức HTTTKT trong các DNTM Hà Nội với mong muốn góp phần giúp các DNTM Hà Nội có thêm cơ sở để tổ chức xây dựng HTTTKT cho DN mình đạt hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh. ♦

### Tài liệu tham khảo:

1. Al-Hiyari A., AL-Mashre M. H. H., Mat N. K., Alekam J. M. (2013), *Factors that Affect Accounting Information System Implementation and Accounting Information Quality: A Survey in University Utara Malaysia*, American Journal of Economics, ISSN 2166-4951.
2. Gelinas U. J., Dull R. B., Wheeler P. (2015), *Accounting Information System*, 10<sup>th</sup> Edition, Published College Bookstore.
3. Rapina (2014), *Factors Influencing the Quality of Accounting Information System and Its Implication on the Quality of Accounting Information*, Research Journal of Finance and Accounting, Vol. 5, No. 2, 2014.
4. Romney M. B., Steinbart P. J. (2014), *Accounting Information Systems*, Place: Publisher Pearson Hall, 13<sup>th</sup> Edition.

### Summary

Basing on an overview of the research on the organization of the accounting information system in some enterprises, the basic issues on the organization of the accounting information system in commercial enterprises, the summary of accounting information system in commercial enterprises in Hanoi (abbreviated as Hanoi commercial enterprises), the article selects, sets up basic contents in the organization of the accounting information system in the Hanoi commercial enterprises, analyzes and evaluates the current status of those enterprises, suggests some solutions to complete the organization of the accounting information system for Hanoi commercial enterprises, helps these businesses to have a basis to organize and set up an accounting information system in particular, information system in general, contributes to improve the efficiency of business activities in the new economic context.

# **NGHIÊN CỨU YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP MAY VIỆT NAM**

**Đinh Thị Hương**

Trường Đại học Thương mại

Email: dinhhuongtm@gmail.com

**Nguyễn Thị Minh Nhân**

Trường Đại học Thương mại

Email: minhnhandhtm248@gmail.com

**Ngày nhận:** 07/05/2018

**Ngày nhận lại:** 02/06/2018

**Ngày duyệt đăng:** 12/06/2018

*Nghiên cứu này nhằm mục tiêu phân tích yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện trách nhiệm xã hội đối với người lao động của các doanh nghiệp may Việt Nam. Số liệu thu thập từ 38 doanh nghiệp may Việt Nam qua bảng câu hỏi thiết kế sẵn. Trong nghiên cứu này, các phương pháp nghiên cứu bao gồm thống kê mô tả, phân tích CFA, phân tích SEM, kiểm định Bootstrap và phân tích cấu trúc đa nhóm. Kết quả nghiên cứu cho thấy yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện trách nhiệm xã hội đối với người lao động của các doanh nghiệp may Việt Nam gồm: hoạch định chiến lược, lãnh đạo doanh nghiệp, các bên liên quan, văn hóa doanh nghiệp. Trong số đó, yếu tố các bên liên quan là yếu tố tác động mạnh nhất đến thực hiện trách nhiệm xã hội đối với người lao động của các doanh nghiệp may Việt Nam. Đồng thời nghiên cứu cũng gợi ý một số giải pháp cho các nhà quản lý doanh nghiệp may nhằm nâng cao hoạt động thực hiện trách nhiệm xã hội đối với người lao động.*

**Từ khóa:** thực hiện, trách nhiệm xã hội, người lao động, các doanh nghiệp may Việt Nam

## **1. Đặt vấn đề**

May mặc là ngành kinh tế chủ lực của Việt Nam. Cụ thể sau hơn 20 năm phát triển kim ngạch xuất khẩu của ngành đã đóng góp 10% - 15% GDP/năm. Xét trên phương diện xuất nhập khẩu. Đây là ngành có mức độ hội nhập lớn nhất vào kinh tế thế giới. Đặc điểm của các DN may là thâm dụng lao động nên NLD luôn được đặt ở vị trí đặc biệt quan trọng. Hiện nay, ngành may mặc Việt Nam có gần 6000 DN, thu hút khoảng 2,5 triệu lao động và dự kiến đến năm 2030 là 5 triệu lao động (Hương, 2016). Hiện nay, thực hiện TNXH đối với NLD trong nhiều DN may Việt Nam đã được thực hiện một phần các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật lao động, song vẫn còn nhiều điểm chưa thực hiện tốt như: chưa đảm bảo tiền lương cho NLD, còn kéo dài thời gian làm việc, chưa thực

hiện đo đạc đánh giá môi trường lao động định kỳ theo quy định, chưa tổ chức tập huấn đầy đủ về vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ theo định kỳ cho NLD, chưa tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho NLD, chưa tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề nghiệp vụ cho người lao động (Châu, 2013). Bên cạnh đó, năm 2015, ILO và Tổng liên đoàn lao động Việt Nam đã tiến hành chiến dịch thanh tra lao động tại 152 DN may có: 59,21% người sử dụng lao động không tham gia huấn luyện an toàn lao động hoặc tham gia không đầy đủ, 39,47% các DN không thực hiện đúng quy định về số giờ làm thêm của NLD. Lao động thường phải làm thêm từ 2-3 giờ/ngày, kể cả thứ 7 và chủ nhật để cải thiện thu nhập mặc dù cường độ lao động cao, môi trường làm việc ồn ào tổn hại đến sức khỏe. Những kết quả này cho thấy thực hiện CSR đối với